

BIDV (BID)

Chất lượng tài sản có tín hiệu cải thiện

05/12/2025

Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn
(+84) 24-7303-5333

3Q2025, LNTT đạt 7,594 tỷ VND, tăng 16.9% YoY

3Q2025, BID có thu nhập lãi thuần đạt 15,173 tỷ VND, tăng 8.5% YoY với động lực từ tăng trưởng tín dụng 8.8% YTD trong khi NIM tiếp tục duy trì ở mức thấp; Chi phí tín dụng ở mức trung bình (0.28%) với trích lập dự phòng đạt 6,186 tỷ VND (+1.4% QoQ, +33.9% YoY) khiến LNTT đạt 7,594 tỷ VND, tăng 16.9% YoY. Lũy kế 9M2025, LNTT đạt 23,632 tỷ VND, tăng 7.2% YoY.

Kì vọng tăng trưởng tín dụng năm 2026 đạt 15%

KBSV kì vọng tăng trưởng tín dụng của BID duy trì ở mức 15% trong năm 2026 dựa trên: Nhu cầu tín dụng cao trong bối cảnh chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 10%; (2) Động lực đến từ kinh tế tư nhân, thúc đẩy đầu tư công và ngành bất động sản hồi phục; (3) Lợi thế cạnh tranh từ chi phí vốn thấp.

NIM kì vọng cải thiện trong năm 2026

KBSV kì vọng NIM 2026 của BID sẽ có sự cải thiện nhẹ so với năm 2025 trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng cao hơn tăng trưởng huy động khiến ngân hàng có điều kiện để linh hoạt lãi suất cho vay. Cùng với đó, BID có thể hưởng lợi ngắn hạn khi lãi suất thị trường 2 tăng do duy trì trạng thái cho vay liên ngân hàng ròng.

NPL cải thiện, đạt 1.87%, kì vọng có diễn biến tích cực hơn trong năm 2026

Chất lượng tài sản có diễn biến tích cực với tỷ lệ NPL đạt 1.87%, giảm 10bps QoQ. KBSV kì vọng với lãi suất vẫn sẽ duy trì ở mức thấp cùng nền kinh tế bước vào pha tăng trưởng nhanh sẽ giúp chất lượng tài sản của BID có những bước cải thiện đáng kể trong năm 2026.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 51,800 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu cho năm 2026 là 51,800VND/cp, cao hơn 37% so với giá tại ngày 05/12/2025.

MUA thay đổi

Giá mục tiêu	VND51,800
Tăng/giảm (%)	37.0%
Giá hiện tại (05/12/2025)	VND 37,800
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 43,280
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	265.4/10.1

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	5.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	135.5/5.13
Sở hữu nước ngoài (%)	14.7%
Cổ đông lớn	SBV (80.99%)

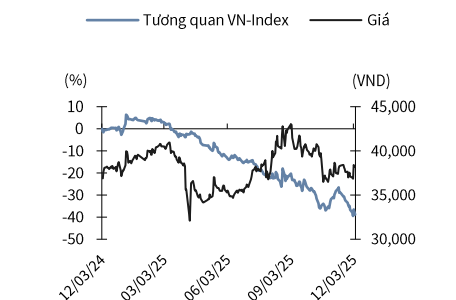
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.1	-6.8	6.5	0.4
Tương đối	-9.1	-11.0	-22.7	-38.9

Dự phóng KQKD & định giá

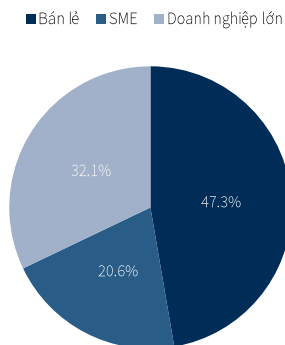
FY-end	2023	2024	2025F	2026F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	56,136	58,008	60,718	75,062
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	47,932	53,094	54,545	67,466
LNST của Ngân hàng mẹ (tỷ VND)	21,505	25,140	26,368	29,060
EPS (VND)	3,773	3,645	3,755	4,139
Tăng trưởng EPS (%)	5	(3)	3	10
PER (x)	10.0	10.4	10.1	9.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	21,554	21,009	25,078	29,217
PBR (x)	1.8	1.8	1.5	1.3
ROE (%)	19.4	19.1	16.7	15.5
Tỉ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cơ cấu tín dụng 2024



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID) thuộc nhóm NHTMCP có sở hữu nhà nước với quy mô tài sản tính đến hết năm 2024 đứng đầu toàn ngành ngân hàng, đạt 2,760,693 tỷ VND. Mạng bán lẻ đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tín dụng của BID, đạt 47.3%.

Điểm nhấn đầu tư

Tăng trưởng tín dụng kì vọng đạt ~ 15% trong năm 2026 đến từ sự hồi phục của thị trường bất động sản, thúc đẩy đầu tư công và nền lãi suất cho vay thấp kích thích nhu cầu vay.

Kì vọng NIM cải thiện nhẹ trong năm 2026 nhờ nhu cầu vay cao và lợi thế cho vay ròng trên thị trường liên ngân hàng.

Chất lượng tài sản có những tín hiệu tích cực trong 4Q2025, kì vọng cải thiện trong năm 2026.

Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

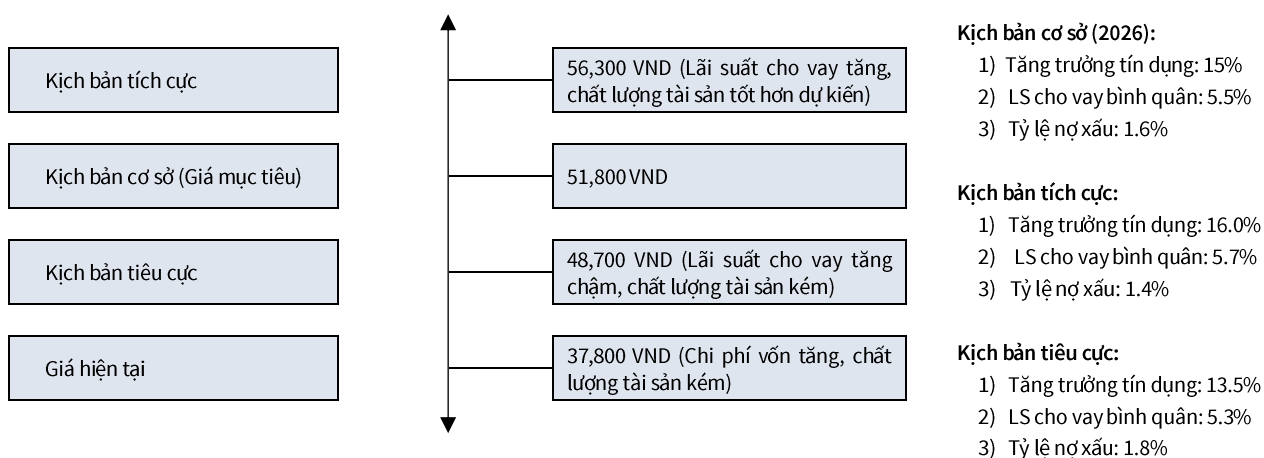
Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E
Thu nhập lãi thuần	62,924	76,785	-4%	-2%	62,088	72,928	-2%	3%
LN trước Chi phí DPRRTD	56,001	68,610	-3%	-2%	55,172	63,087	-1%	7%
LNST ngân hàng mẹ	25,950	28,022	2%	4%	26,964	30,816	-2%	-6%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3Q2025, LNTT đạt 7,594 tỷ VND, tăng 16.9% YoY

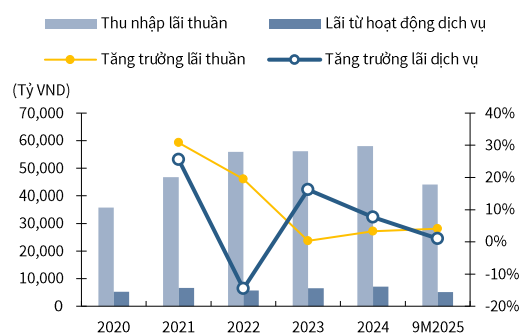
3Q2025, BID có thu nhập lãi thuần đạt 15,173 tỷ VND, tăng 8.5% YoY với động lực từ tăng trưởng tín dụng 8.8% YTD trong khi NIM tiếp tục duy trì ở mức thấp; thu nhập ngoài lãi tăng 136.8% giúp TOI đạt 21,154 tỷ VND, tăng 22.6% YoY; Chi phí tín dụng ở mức trung bình (0.28%) với trích lập dự phòng đạt 6,186 tỷ VND (+1.4% QoQ, +33.9% YoY) khiến LNTT đạt 7,594 tỷ VND, tăng 16.9% YoY. Lũy kế 9M2025, LNTT đạt 23,632 tỷ VND, tăng 7.2% YoY.

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	3Q2024	2Q2025	3Q2025	+/-%QoQ	+/-%YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	13,990	14,992	15,173	1.2%	8.5%	Tăng trưởng thu nhập lãi thuần chỉ đạt 8.5% YoY do tăng trưởng tín dụng tương đối yếu so với hệ thống trong khi NIM vẫn đang ở mức nền thấp.
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1,475	1,887	1,734	-8.1%	17.5%	
Thu khác từ hoạt động ngoài lãi	1,794	5,211	4,248	-18.5%	136.8%	Động lực tăng trưởng chính đến từ tất cả các mảng trong đó hoạt động khác tăng 69.8% YoY; mảng FX tăng 31.8% YoY và mảng đầu tư kinh doanh chứng khoán đạt 584 tỷ VND so với cùng kỳ -549 tỷ VND.
Tổng thu nhập hoạt động	17,259	22,089	21,154	-4.2%	22.6%	
Chi phí hoạt động	(6,307)	(7,366)	(7,375)	0.1%	16.9%	
LN thuần trước CF dự phòng rủi ro tín dụng	10,951	14,724	13,780	-6.4%	25.8%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4,453)	(6,098)	(6,186)	1.4%	38.9%	Trích lập dự phòng vẫn duy trì ở mức cao; bộ đệm dự phòng cải thiện nhẹ với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 94.5% (+5.4ppts QoQ).
Lợi nhuận trước thuế	6,498	8,626	7,594	-12.0%	16.9%	
LNST của ngân hàng mẹ	5,151	6,755	5,953	-11.9%	15.6%	
Tăng trưởng tín dụng	3.7%	3.5%	8.8%	-0.9 ppts	5.1 ppts	Tăng trưởng tín dụng yếu hơn so với trung bình toàn ngành (~ 14 % YTD) do quy mô lớn; Động lực tăng trưởng đến từ nhóm khách hàng SME (+10.4% YTD) và bán lẻ (+9.3% YTD) trong khi nhóm khách hàng doanh nghiệp chỉ tăng 6.8% YTD.
Tăng trưởng huy động	2.1%	4.7%	11.1%	-2.1 ppts	9 ppts	Huy động thị trường 1 chỉ tăng 6.9% YoY khiến BID phải đẩy mạnh huy động từ NHNN (+28.2%) và thị trường liên ngân hàng (+41.5% YTD).
NIM	2.47%	2.16%	2.15%	-1 bps	-32 bps	Đà giảm của NIM đã có dấu hiệu chững lại khi mặt bằng lãi suất cho vay đã ở mức thấp, đủ tạo lợi thế cạnh tranh trong khi BID vẫn duy trì được chi phí vốn thấp nhờ chủ động về nguồn hơn nhóm NHTM.
Lãi suất đầu ra bình quân	6.02%	5.31%	5.32%	1 bps	-69 bps	
Lãi suất đầu vào bình quân	3.77%	3.32%	3.36%	3 bps	-41 bps	
CIR	36.5%	33.3%	34.9%	1.5 ppts	-1.6 ppts	
NPL	1.71%	1.98%	1.87%	-10 bps	16 bps	Chất lượng tài sản cải thiện với nợ nhóm 3 và nhóm 4 giảm lần lượt 6bps QoQ và 4bps QoQ. Tỷ lệ nợ xấu mới tăng thêm ước tính đạt 0.11%, thấp hơn tương đối so với 6 quý trước đó trung bình đạt 0.4%.

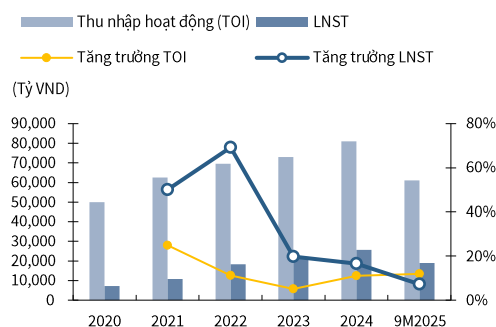
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2020-2025 (YoY)



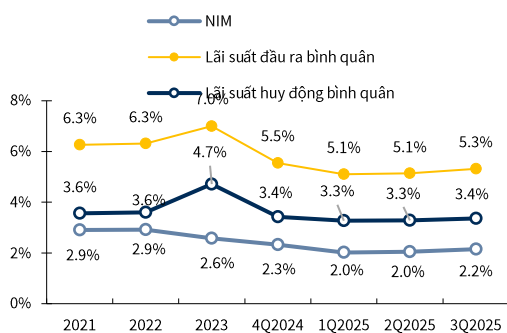
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2020-2025 (YoY)



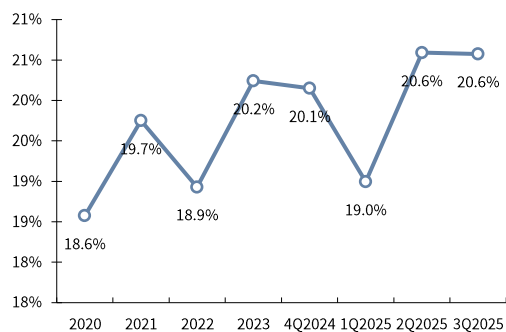
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Biến động lãi suất – NIM giai đoạn 2021-2025



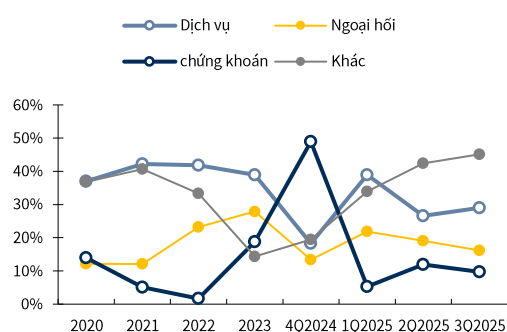
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 5. Tỷ lệ CASA của BID giai đoạn 2020-2025



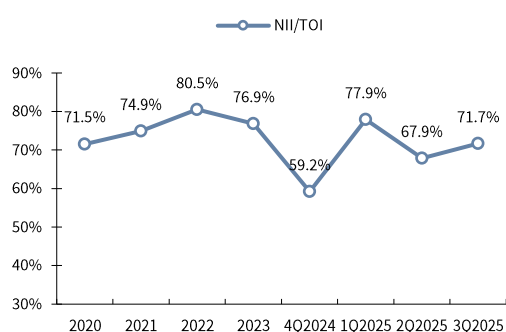
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 6. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2020-2025



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 7. Tỷ lệ CIR của BID giai đoạn 2023-2025



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Kì vọng tăng trưởng tín dụng 2026 đạt 15%

Mặc dù tăng trưởng tín dụng 9M2025 không quá ấn tượng, KBSV kì vọng tăng trưởng tín dụng của BID trong năm 2025 vẫn đạt kế hoạch đề ra là 14% YTD – giảm 2ppts so với dự phóng cũ dựa trên nhu cầu tín dụng cao, các hoạt động đầu tư công đẩy mạnh cuối năm cùng việc hệ thống thiếu nguồn do duy trì lãi suất thấp khiến BID với lợi thế về nguồn và còn hạn mức tín dụng sẽ được hưởng lợi.

Đối với năm 2026, KBSV kì vọng tăng trưởng tín dụng của BID đạt 15% dựa trên:

- (1) Mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành cao trong bối cảnh chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 10%. Cùng với đó, động lực chính cho tăng trưởng GDP là đầu tư công sẽ được đẩy mạnh – là mảng BID có lợi thế khai thác.
- (2) Các động thái tháo gỡ pháp lý cải thiện triển vọng của thị trường bất động sản qua đó kích thích nhu cầu vay của nhóm khách hàng cá nhân, trong khi nhóm khách hàng doanh nghiệp hưởng lợi từ Nghị quyết 68 – NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân.
- (3) BID theo đuổi chiến lược cho vay lãi suất thấp với lãi suất bình quân đầu ra 3Q2025 đạt 5.16%, thấp thứ 2 toàn ngành, là lợi thế cạnh tranh lớn để hấp thụ tốt nhu cầu tín dụng.

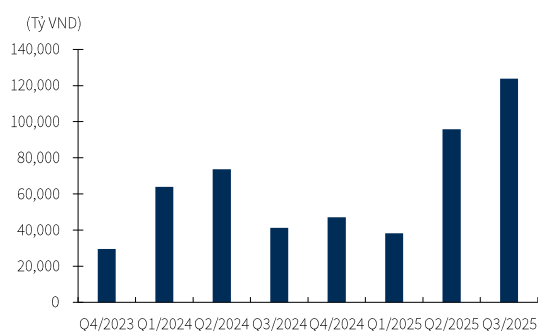
NIM kì vọng cải thiện trong năm 2026

KBSV điều chỉnh dự phóng NIM 2025 đạt 2.04% - giảm 10bps so với dự phóng cũ do IEA bình quân thấp hơn kì vọng. Đối với năm 2026, KBSV kì vọng NIM của BID tăng 12bps YoY dựa trên:

Đối với chi phí vốn (COF), KBSV kì vọng hệ thống ngân hàng nói chung sẽ có sự điều chỉnh với lãi suất huy động tăng khoảng 50 – 100bps trong cuối năm 2025 và 2026 do áp lực huy động vốn đảm bảo thanh khoản cũng như kiểm soát tỷ giá, qua đó khiến COF của BID tăng 23bps YoY.

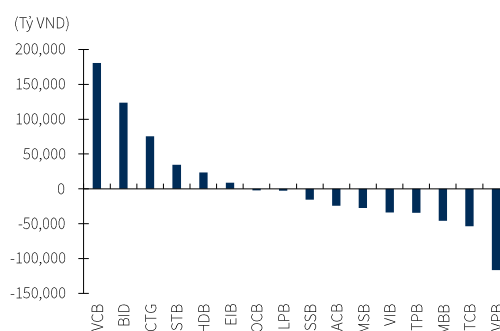
Chúng tôi kì vọng lợi suất trung bình (IEA) sẽ tăng 34bps nhờ: (1) Nhu cầu tín dụng tiếp tục ở mức cao trong khi tăng trưởng huy động yếu hơn khiến ngân hàng có điều kiện để linh hoạt về lãi suất cho vay; (2) BID duy trì trạng thái cho vay ròng trên thị trường liên ngân hàng nên sẽ phần nào hưởng lợi ngắn hạn trong các giai đoạn căng thẳng thanh khoản.

Biểu đồ 8. Diễn biến cho vay ròng trên interbank của BID



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 9. Số dư cho vay ròng trên interbank 3Q2025

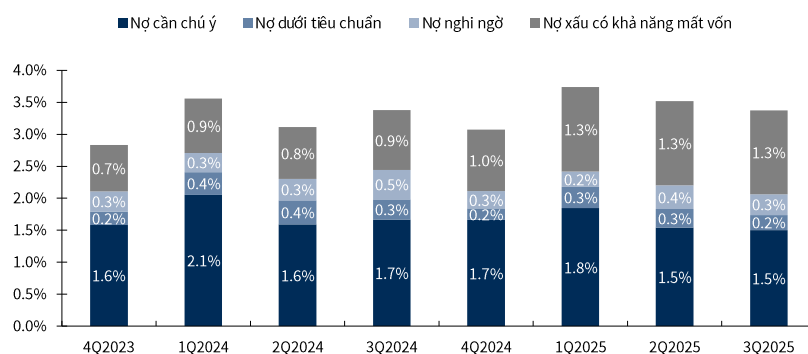


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

NPL cải thiện, đạt 1.87%, kì vọng có diễn biến tích cực hơn trong năm 2026

Chất lượng tài sản có diễn biến tích cực với tỷ lệ NPL đạt 1.87%, giảm 10bps QoQ. KBSV kì vọng với lãi suất vẫn sẽ duy trì ở mức thấp cùng nền kinh tế bước vào pha tăng trưởng nhanh sẽ giúp chất lượng tài sản của BID có những bước cải thiện đáng kể trong năm 2026. Cần lưu ý, trích lập dự phòng trong năm 2025 của BID ở mức cao do diễn biến nợ xấu không thuận lợi như các ngân hàng khác. Nếu chất lượng tài sản được cải thiện sẽ là động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2026.

Biểu đồ 10. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của BID giai đoạn 2023-2025



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 11. Tương quan nợ xấu & nợ nhóm 2 các ngân hàng trong hệ thống

	% NPL	QoQ	% Nhóm 2	QoQ	Trích lập (Tỷ VND)	LLCR
OCB	3.70%	0.23%	1.92%	-0.02%	-2,940	40.6%
VPB	3.51%	-0.46%	3.61%	0.58%	-17,340	55.1%
VIB	3.32%	-0.24%	2.74%	-0.17%	-4,873	39.4%
EIB	2.99%	0.33%	1.24%	0.25%	-1,877	34.7%
HDB	2.90%	0.36%	4.60%	0.66%	-6,148	43.4%
MSB	2.79%	0.09%	1.18%	0.01%	-3,072	53.7%
STB	2.75%	0.29%	1.64%	0.91%	-15,542	93.3%
BID	1.87%	-0.10%	1.50%	-0.04%	-39,649	94.5%
MBB	1.87%	0.27%	1.36%	0.06%	-13,800	79.2%
LPB	1.78%	0.04%	0.93%	-0.01%	-5,256	76.1%
TCB	1.16%	-0.09%	0.59%	0.00%	-10,632	119.2%
ACB	1.09%	-0.38%	0.47%	-0.24%	-6,156	84.0%
CTG	1.09%	-0.22%	1.08%	0.11%	-38,336	176.5%
VCB	1.03%	0.03%	0.27%	0.02%	-34,009	201.9%
Tổng/ Trung bình	1.86%	0.02%	1.45%	0.14%	-203,663	92.3%

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

DỰ PHÓNG KQKD & ĐỊNH GIÁ

Bảng 12. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	2024	2025F	+/-%YoY	2026F	+/-%YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	58,008	60,718	4.7%	75,062	23.6%	Thu nhập lãi thuần kì vọng tăng cao trong năm 2026 nhờ tăng trưởng tín dụng tốt cùng NIM cải thiện trên mức nền thấp của năm 2025.
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	7,074	6,544	-7.5%	7,002	7.0%	
Tổng thu nhập hoạt động	81,061	82,643	2.0%	101,606	22.9%	
Chi phí trích lập dự phòng	(21,109)	(20,947)	-0.8%	(30,439)	45.3%	Dự phóng thận trọng duy trì chi phí tín dụng năm 2026 ở mức 1.2%, tỷ lệ LLDR đạt 91%.
Lợi nhuận sau thuế	25,140	26,368	4.9%	29,060	10.2%	
NIM	2.32%	2.04%	-29bps	2.16%	13bps	
Lãi suất đầu ra bình quân	5.54%	5.14%	-40bps	5.48%	34bps	NIM 2026 dự phóng tăng 13bps YoY nhờ IEA cải thiện khi nhu cầu tín dụng tăng cao trong khi thanh khoản hạn chế.
Lãi suất đầu vào bình quân	3.42%	3.29%	-14bps	3.52%	23bps	
CIR	34.5%	34.0%	-50bps	33.6%	-40bps	
NPL	1.41%	1.80%	39bps	1.60%	-20bps	Kì vọng chất lượng tài sản cải thiện nhờ kinh tế tăng trưởng tốt cùng mặt bằng lãi suất thấp được duy trì.
Tổng tài sản	2,760,792	3,291,543	19.2%	3,753,795	14.0%	
Vốn chủ sở hữu	144,911	176,082	21.5%	205,143	16.5%	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 51,800 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu BID. Trong kì này, chúng tôi chuyển giá mục tiêu sang cuối năm 2026 để phản ánh triển vọng ngân hàng trong 1 năm tới.

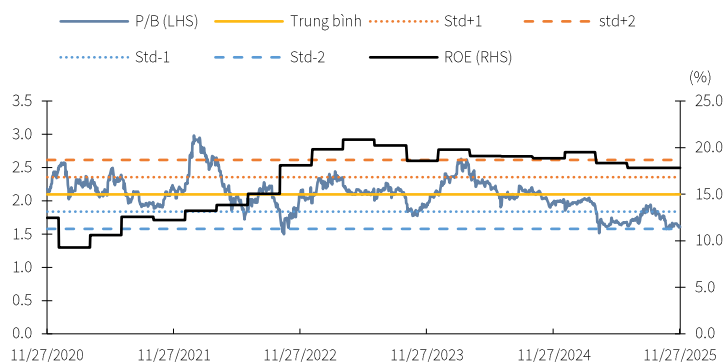
(1) Phương pháp định giá P/B

Chúng tôi chọn P/B dự phóng 2026 ở mức 2.18x tương đương mức trung bình P/B 5 năm của BID dựa trên triển vọng tăng trưởng tín dụng cao, vị thế đầu ngành tuy nhiên chất lượng tài sản vẫn đang cần các tín hiệu hồi phục rõ ràng hơn.

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 12)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng cho cổ phiếu BID cho năm 2026 là 51,800 VND/cổ phiếu, cao hơn 37.0% so với giá ngày 5/12/2025.

Biểu đồ 13. Chỉ số P/B, ROE của BID giai đoạn 2020-2025

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Bảng 14. Cổ phiếu BID – Định giá 2026 phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ VND	2026F	2027F	2028F
Lợi nhuận sau thuế	29,622	33,052	37,881
Lợi nhuận thặng dư	6,643	6,280	6,877
Chi phí vốn (r)	13.05%		
Tăng trưởng (g)	3.0%		
Giá trị cuối cùng	42,062		
Giá trị hợp lý cuối 2026	280,257		
Giá trị cổ phiếu BID	39,915		

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Bảng 15. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	63,693	50%	31,847
Lợi nhuận thặng dư	39,915	50%	19,958
Giá mục tiêu			51,800

Nguồn: KBSV

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam (BID) – Bảng tóm tắt KQKD & Dự phóng 2022A-2026F

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F	(Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Thu nhập lãi thuần	56,070	56,136	58,008	60,718	75,062	Cho vay khách hàng	1,483,996	1,737,196	2,018,044	2,315,638	2,668,088
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	121,111	152,761	138,288	153,168	190,139	Chứng khoán kinh doanh	1,701	6,972	12,734	14,345	16,496
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(65,041)	(96,626)	(80,281)	(92,450)	(115,077)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	13,745	11,029	10,773	12,135	13,956
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	5,648	6,570	7,074	6,544	7,002	Tài sản có sinh lời	2,092,669	2,271,476	2,720,288	3,241,464	3,694,025
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	4,210	2,068	4,987	6,268	9,320	Tài sản cố định và tài sản khác	51,896	59,850	68,427	76,344	84,929
Tổng thu nhập hoạt động	69,582	73,013	81,061	82,643	101,606	Tổng tài sản	2,120,609	2,300,869	2,760,792	3,291,543	3,753,795
Chi phí hoạt động	(22,557)	(25,081)	(27,967)	(28,099)	(34,139)	Tiền gửi của khách hàng	1,473,598	1,704,690	1,953,165	2,200,200	2,530,230
LN thuần trước CF DPRRTD	47,025	47,932	53,094	54,545	67,466	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	170,289	202,023	210,882	245,168	263,148
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(24,015)	(20,344)	(21,109)	(20,947)	(30,439)	Các khoản nợ chịu lãi	1,973,861	2,124,440	2,565,390	3,057,473	3,481,984
Thu nhập khác	6,526	6,543	9,192	10,446	15,533	Các khoản nợ khác	42,558	53,562	50,491	57,988	66,669
Chi phí khác	(2,316)	(4,475)	(4,205)	(4,178)	(6,213)	Tổng nợ phải trả	2,016,419	2,178,002	2,615,881	3,115,461	3,548,653
Tổng lợi nhuận trước thuế	23,009	27,589	31,985	33,598	37,027	Vốn điều lệ	50,585	57,004	68,975	70,213	70,213
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(4,589)	(5,612)	(6,381)	(6,720)	(7,405)	Thặng dư vốn cổ phần	15,351	15,361	15,361	18,926	18,926
LNST	18,420	21,977	25,604	26,878	29,622	Lợi nhuận chưa phân phối	21,576	30,331	36,192	62,560	91,621
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(262)	(472)	(464)	(510)	(561)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	18,159	21,505	25,140	26,368	29,060	Vốn chủ sở hữu	104,190	122,867	144,911	176,082	205,143

Chỉ số tài chính (%)	2022	2023	2024	2025F	2026F	Định giá (đồng, X, %)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	19.3%	19.4%	19.1%	16.7%	15.5%	EPS cơ bản	3,590	3,773	3,645	3,755	4,139
ROA	0.9%	1.0%	1.0%	0.9%	0.8%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,597	21,554	21,009	25,078	29,217
ROE trước dự phòng	39.5%	33.7%	31.7%	27.2%	28.3%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	19,720	20,730	20,238	24,329	28,477
ROA trước dự phòng	1.9%	1.7%	1.7%	1.4%	1.5%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.9%	2.6%	2.3%	2.0%	2.2%	PER	10.5	10.0	10.4	10.1	9.1
Hiệu quả hoạt động						PBR	1.8	1.8	1.8	1.5	1.3
LDR thuần	103.3%	104.3%	105.3%	107.0%	107.0%	Ti lệ cổ tức	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
CIR	32.4%	34.4%	34.5%	34.0%	33.6%	ROE	19.3%	19.4%	19.1%	16.7%	15.5%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	20.4%	8.5%	20.0%	19.2%	14.0%	Ti lệ an toàn vốn (CAR)	9.5%	9.9%	8.6%	>9%	>9%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	12.0%	17.1%	16.2%	14.7%	15.2%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	9.3%	1.9%	10.8%	2.7%	23.7%	NPL (ngủ xấu nhóm 3-5)	1.2%	1.3%	1.4%	1.8%	1.6%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	72.3%	18.4%	16.9%	4.9%	10.2%	Độ bao phủ nợ xấu (ngủ xấu nhóm 3-5)	216.8%	180.7%	133.7%	91.0%	90.6%
Tăng trưởng EPS	72.3%	5.1%	-3.4%	3.0%	10.2%	SML (ngủ xấu và nợ càn chú ý)	2.8%	2.8%	3.1%	3.3%	3.3%
Tăng trưởng BVPS	20.7%	4.6%	-2.5%	19.4%	16.5%	Độ bao phủ nợ xấu (ngủ xấu và nợ càn chú ý)	88.4%	80.2%	61.4%	49.7%	43.9%

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.